

THÔNG BÁO GIA HẠN CHÀO GIÁ CẠNH TRANH
Gói thầu: Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2025

Kính gửi: CÁC NHÀ THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ DẦU DIESEL

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh kính mời quý Công ty/đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực tham gia chào giá cạnh tranh thực hiện gói thầu cung cấp dầu diesel năm 2025 kèm theo các điều kiện sau:

- Có giấy phép kinh doanh phù hợp với gói thầu, có các hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự đã thực hiện.

- Mỗi nhà thầu chỉ có một đơn dự chào giá cạnh tranh.

- Tham gia dự mở hồ sơ đề xuất (HSDX) nếu muốn.

- Nếu nhận được thông báo trúng thầu, cam kết ký hợp đồng (theo mẫu tại hồ sơ yêu cầu) không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.

Thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu (HSYC) từ: **15h00' ngày 17 tháng 03 năm 2025 đến trước 14h30' ngày 20 tháng 03 năm 2025** (trong giờ hành chính).

- Địa chỉ phát hành HSYC chào giá: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, địa chỉ Số 1 - đường Cái Lân - phường Bãi Cháy - Tp Hạ Long - Quảng Ninh, Điện thoại: 0203.6283288.

- Mỗi đơn vị tham gia chào giá được cung cấp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chào giá miễn phí hoặc tìm hiểu thông tin trên trang Web www.quangninhport.com.vn.

- Đề nghị Quý Công ty gửi chào giá (theo mẫu tại hồ sơ yêu cầu) đến chúng tôi bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ sau:

Ông Hoàng Trọng Tùng – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

+ Địa chỉ: Số 1 – đường Cái Lân – phường Bãi Cháy – Tp Hạ Long – Quảng Ninh.

+ Điện thoại : 0203.6283288.

- Mọi hồ sơ chào giá phải được gửi đến Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo địa chỉ trên trước **14h30' ngày 20 tháng 03 năm 2025** (hồ sơ gửi sau thời điểm này không có giá trị xét chào giá).

- HSDX của các nhà thầu được mở công khai vào hồi: **15h00', ngày 20 tháng 03 năm 2025**, tại địa chỉ phát hành HSYC chào giá.

Rất mong nhận được sự quan tâm của các nhà thầu./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban điều hành công ty (b/c);
- Phòng TCKT, VT;
- Phòng HCQT (để đăng lên website của Cảng);
- Lưu KTCN-AT.



**K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO THẦU LỰA
CHỌN ĐƠN VỊ CUNG CẤP DẦU
DIESEL NĂM 2025**

Tên gói thầu: Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2025

**Địa điểm: Số 1 - Đường Cái Lân - Phường Bãi Cháy - Tp Hạ Long -
Quảng Ninh.**

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

Quảng Ninh, tháng 28./02../2025

**HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ
DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Tên gói thầu: **Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2025**

Ngày phát hành: *28* / *02* / 2025

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../2025/QĐ-TGD ngày /...../2025

Bên mời thầu *mlh*
Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh *25*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hàng Trọng Hùng

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Từ ngữ viết tắt	
Phần thứ nhất: Chỉ dẫn đối với nhà thầu	
Chương I: Yêu cầu về chào thầu	
A. Tổng Quát	
Mục 1. Nội dung gói thầu	
Mục 2. Điều kiện tham gia dự thầu của nhà thầu:	
Mục 3. HSYC, giải thích làm rõ HSYC và sửa đổi HSYC	
Mục 4. Khảo sát hiện trường	
B. Chuẩn bị HSDX	
Mục 5: Ngôn ngữ sử dụng	
Mục 6: Nội dung HSDX	
Mục 7. Đơn đề xuất chào hàng cạnh tranh	
Mục 8. Giá đề xuất và biểu giá	
Mục 9. Tài liệu chứng minh tính cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	
Mục 10. Bảo đảm dự thầu	
Mục 11. Thời gian có hiệu lực của HSDX	
Mục 12. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX	
C. Nộp HSDX	
Mục 13. Thời hạn nộp HSDX	
Mục 14. HSDX nộp muộn	
Mục 15. Sửa đổi hoặc rút HSDX	
D. Mở thầu	
Mục 16. Mở thầu	
Mục 17. Làm rõ HSDX	
Mục 18. Đánh giá các HSDX	
E. Trúng thầu	
Mục 19. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu	
Mục 20. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	
Mục 21. Hoàn thiện ký kết hợp đồng	
Mục 22. Kiến nghị trong chào thầu	
Mục 23. Xử lý vi phạm trong chào thầu	
Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX	
Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	
Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, chất lượng:	
Chương III. Biểu mẫu đề xuất	
Phần thứ hai: Yêu cầu về chủng loại, chất lượng	
Chương IV: Nội dung công việc: Cung cấp dầu diesel năm 2025	
Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
CQN	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU
Chương I
YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC CHÀO THẦU
A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung gói thầu:

1. Bên mời thầu: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào thầu gói thầu: **Cung cấp dầu diesel năm 2025.**
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 01/04/2025 đến hết ngày 31/12/2025
4. Nội dung hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc
5. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn từ sản xuất kinh doanh của CQN

Mục 2. Điều kiện tham gia dự thầu của nhà thầu:

1. Nhà thầu phải là tổ chức có đủ tư cách pháp nhân hợp lệ, đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ cung cấp dầu diesel trên bộ và trực tiếp cho các phương tiện thủy.
 - Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
 - Hạch toán tài chính độc lập.
 - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 - Không trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
2. Nhà thầu chỉ được tham gia trong một HSĐX với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương III, trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu.

Mục 3. HSYC, giải thích làm rõ HSYC và sửa đổi HSYC

1. HSYC bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSYC này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSYC để chuẩn bị HSĐX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
2. HSYC được phát hành cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia theo thời gian quy định trong thông báo mời chào hàng. Đối với nhà thầu liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu, kể cả trường hợp chưa hình thành liên danh khi mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.
3. Trường hợp sửa đổi hồ sơ yêu cầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ yêu cầu đến các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.

4. Trường hợp cần làm rõ hồ sơ yêu cầu thì nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.
- Trong trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ yêu cầu mà các nhà thầu chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu gửi cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.
- Nội dung làm rõ hồ sơ yêu cầu không được trái với nội dung của hồ sơ yêu cầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ yêu cầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ yêu cầu thì việc sửa đổi hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 mục này.

5. Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu là một phần của hồ sơ yêu cầu.

6. Sau khi làm rõ HSYC, nhà thầu cần xác nhận bằng biên bản/văn bản với nội dung “Đã hiểu rõ toàn bộ thông tin của HSYC và cam kết chào giá tuân thủ theo toàn bộ nội dung của HSYC”.

7. Để đảm bảo tính cạnh tranh, khách quan trong quá trình mời thầu: các thông tin phải được các nhà thầu hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu giống nhau về yêu cầu của chủ đầu tư.

Mục 4. Khảo sát hiện trường.

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSDX. Bên mời thầu sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 5: Ngôn ngữ sử dụng

HSDX cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt.

Mục 6: Nội dung HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn đề xuất chào hàng theo quy định tại Mục 7 Chương này.
2. Giá đề xuất chào hàng và biểu giá theo quy định tại Mục 09 Chương này.
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 10 Chương này.
4. Đề xuất về chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng dầu diesel theo quy định tại Phần thứ hai của HSYC này.
5. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương này.
6. Các nội dung khác.

Mục 7. Đơn đề xuất chào thầu

1. Đơn đề xuất chào hàng do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện pháp nhân của nhà thầu.

pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

2. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

3. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 8. Giá đề xuất và biểu giá

1. Giá đề xuất là giá do nhà thầu nêu trong đơn đề xuất chào hàng thuộc HSĐX sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá đề xuất của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu về chủng loại, thông số kỹ thuật, chất lượng dầu diesel và cùng một thời điểm do chủ đầu tư chỉ định.

2. Giá đề xuất được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

3. Nhà thầu phải ghi đủ các thông tin vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục công việc theo nội dung nêu trong Bảng tiên lượng theo Mẫu số 7 Chương III. Đơn giá đề xuất phải bao gồm các yếu tố: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí khác được phân bổ trong đơn giá đề xuất như bến bãi, kho xưởng, điện, nước, vận chuyển, chi phí bảo vệ môi trường, ô nhiễm dầu.

4. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu, hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong Bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tiên lượng.

Mục 9. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu

a. Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh.

b. Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh.

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo quy định tại khoản 2

Mục 2 Chương này.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

a. Khả năng huy động máy móc thiết bị cung cấp dịch vụ được liệt kê theo Mẫu số 4 Chương III

b. kê khai cán bộ chủ chốt điều hành thực hiện cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 6A và Mẫu số 6B Chương III

c. Các hợp đồng đang thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 8 Chương III

d. Các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 9 Chương III

e. Năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 10 Chương III. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSYC cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

f. Các tài liệu khác

Mục 10. Bảo đảm dự thầu

1. Khi tham gia dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo các quy định sau:

a. Hình thức bảo đảm dự thầu: Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Nếu nộp đặt cọc bằng tiền mặt thì nộp tại Phòng Tài Chính Kế Toán của Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh trước thời điểm đóng thầu. Nếu nộp thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì bảo lãnh phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp phát hành đảm bảo nội dung quy định tại Mẫu số 11 Chương III.

b. Giá trị bảo đảm dự thầu: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn)

c. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 50 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

d. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

- Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại điểm b khoản này; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại theo điều kiện tiên quyết.

- Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại điểm b khoản này.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau : có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của bên mời thầu) và thời gian quy định trong HSYC, không đúng tên gói thầu, tên nhà thầu (đối với nhà thầu liên danh thì theo quy định tại khoản 1 Mục này), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hơn đàng

4. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây.
 - a. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất.
 - b. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật đấu thầu
 - c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.
 - d. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - e. Trường hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm dự thầu.

Mục 11. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 50 ngày kể từ thời điểm đóng thầu (ngày/...../2025). HSDX có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại khoản này là không hợp lệ và bị loại.

2. Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDX một hoặc nhiều lần với tổng thời gian của tất cả các lần yêu cầu nhà thầu gia hạn không quá 30 ngày, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu

Mục 12. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và bốn (4) bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng và một (1) USB chứa dữ liệu dự thầu.

2. HSDX phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xoá hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

4. Để hồ sơ dự thầu đảm bảo không thất lạc nội dung đúng như khi nộp ban đầu, HSDX phải đánh số trang và ký nháy từng trang, đóng dấu giáp lai. Hồ sơ Gốc được bảo quản đúng quy định.

C. NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 13. Thời hạn nộp HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX qua đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 14h30, ngày tháng năm 2025. (HSDX nhà thầu nhận được phải ở trạng thái niêm phong kín với hồ sơ bản cứng (bản in) và USB).

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDX (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDX hoặc khi sửa đổi HSYC theo Mục 3 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDX, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSYC, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDX sẽ được đăng tải trên báo Đấu thầu tối thiểu 1 kỳ và đăng trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. Khi thông báo, bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDX đã nộp (bao gồm cả hiệu lực của HSDX) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDX có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDX của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDX thì bên mời thầu quản lý HSDX đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”

Mục 14. HSDX nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào, kể cả thư giảm giá (nếu có) được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, bị loại và được trả lại theo nguyên trạng (trừ tài liệu làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu quy định tại Mục 18 Chương này).

Mục 15. Sửa đổi hoặc rút HSDX

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDX đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị sửa đổi, rút HSDX phải được gửi riêng biệt với HSDX.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 16. Mở thầu

Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong hồ sơ đề xuất của từng nhà thầu. Ngay sau thời điểm đóng thầu, vào lúc ...h00 ngày .../.../2025, bên mời thầu tiến hành mở các hồ sơ đề xuất và lập biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất; giá trị, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng và gửi văn bản này đến các nhà thầu đã nộp hồ sơ đề xuất.

- Các thành phần tham gia mở thầu (tối thiểu phải gồm 03 thành phần: bộ phận tiếp nhận/ quản lý hồ sơ dự thầu, đại diện tổ đánh giá kỹ thuật và đại diện tổ đánh giá tài chính).

- Biên bản mở thầu phải ghi nhận thông tin về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu. Trường hợp không hợp lệ cần nêu rõ lý do.

- Giá chào của các nhà thầu phải được mở tại cùng 1 thời điểm.

Mục 17. Làm rõ HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Trường hợp HSDX thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá đề xuất.

2. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu

bảo quản như một phần của hồ sơ đề xuất.

Mục 18. Đánh giá các HSDX

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX:

- a. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 mục 2 chương I
- b. Có bản gốc hồ sơ đề xuất.
- c. Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu ; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá đề xuất ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá đề xuất ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.
- d. Hiệu lực của hồ sơ đề xuất đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSYC.
- e. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
- f. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
- g. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).
- h. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- a. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại mục 1 chương II: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm nhà thầu trong hồ sơ yêu cầu.
- b. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

Đánh giá về kỹ thuật, chất lượng và giá thành:

- a. Đánh giá về kỹ thuật:
- b. Việc đánh giá khối lượng công việc và giá phải đảm bảo nguyên tắc: khối lượng công việc giữa các nhà thầu là tương đương.
- c. Theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại mục 2 chương II:
- d. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật trong hồ sơ yêu cầu đối với các HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ, và đạt yêu cầu về chủng loại, chất lượng, thời gian bảo hành, tiến độ giao hàng. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”
- e. So sánh giá chào:
 - Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Điều 17 Nghị định 63/CP.

HSĐX có giá chào thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và không vượt giá gói thầu sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng phải theo trình tự sau đây:

Cơ sở thương thảo:

- a. Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất.
- b. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất (nếu có) của nhà thầu.
- c. Hồ sơ yêu cầu.

Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

- a. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
- b. Thực hiện thương thảo đối với phần sai lệch, thiếu theo hồ sơ yêu cầu.

Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ đề xuất có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ đề xuất (nếu có).

c. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

d. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác

- Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

- Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu

E. TRÚNG THẦU

Mục 19. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSĐX hợp lệ.
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu.
3. Có đề xuất về chủng loại, thông số kỹ thuật, chất lượng đáp ứng yêu cầu.
4. Có các tiêu chí trong báo giá tốt nhất.
5. Thời gian bảo hành, thời gian giao hàng tốt nhất.

Mục 20. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây.

- a. Tên nhà thầu trúng thầu.
- b. Giá trúng thầu.
- c. Loại hợp đồng.
- d. Thời gian thực hiện hợp đồng.
- e. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt và lý do không được lựa chọn.

của từng nhà thầu.

f. Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu.

g. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

h. Trường hợp hủy thầu trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.

Mục 21. Hoàn thiện ký kết hợp đồng

1. Điều kiện ký kết hợp đồng

- Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

- Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

- Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

2. Ký kết hợp đồng

- Sau khi lựa chọn được nhà thầu, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn phải tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật.

- Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

- Giá hợp đồng không được vượt giá trúng thầu. Trường hợp bổ sung khối lượng công việc ngoài hồ sơ yêu cầu dẫn đến giá hợp đồng vượt giá trúng thầu thì phải bảo đảm giá hợp đồng không được vượt giá gói thầu hoặc dự toán được phê duyệt.

Mục 22. Kiến nghị trong chào thầu

- Nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề khác trong quá trình dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mục 23. Xử lý vi phạm trong chào thầu

1. Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Các TCDG về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” cả 3 nội dung nêu tại các điểm 1, 2 và 3 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực

Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Năng lực, kinh nghiệm	
	1.1. Kinh nghiệm cung cấp dầu diesel	
	1.2. Số năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ dầu diesel trên bộ và phương tiện thủy (bao gồm cả tính kế thừa theo lịch sử phát triển của nhà thầu)	5 năm
	1.2. Kinh nghiệm thi công gói thầu tương tự: - Số lượng Hợp đồng cung cấp dịch vụ dầu diesel với tư cách là nhà thầu chính hoặc thành viên của liên doanh tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 05 năm gần đây. - Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải có tối thiểu 10 hợp đồng cung cấp dịch vụ dầu diesel.	5 hợp đồng
2	Năng lực tài chính	
	2.1. Báo cáo tài chính trong 3 năm gần đây (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính gửi Cơ quan thuế khi quyết toán thuế TNDN năm). 2.2. Doanh thu: - Doanh thu trung bình hàng năm trong 03 năm gần đây - Đối với nhà thầu liên danh: Tổng doanh thu bình quân của các thành viên phải ≥ 05 tỷ VND, trong đó: (a) Doanh thu bình quân hàng năm trong 03 năm gần nhất của thành viên đứng đầu liên danh tối thiểu phải ≥ 05 tỷ VND nhân với tỷ lệ tham gia theo thỏa thuận liên danh.	≥ 10 tỷ VN đồng

	<p>(b) Doanh thu bình quân hàng năm trong 03 năm gần nhất của thành viên còn lại trong liên danh tối thiểu phải ≥ 05 tỷ VND nhân với tỷ lệ tham gia theo thỏa thuận liên danh.</p> <p>1.3. Giá trị tài sản ròng</p> <p>1.4. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn</p>	<p>> 1</p> <p>≥ 1</p>
	<p>3.2 Tình hình tài chính lành mạnh: Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh. Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh.</p> <p>(a) Thực hiện nộp ngân sách Nhà nước đúng quy định của Pháp luật:</p> <p>(b) Số năm nhà thầu hoạt động không bị lỗ trong thời gian 3 năm gần nhất</p>	<p>Nộp ngân sách nhà nước đầy đủ trong 03 năm gần đây 3 năm</p>

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật: Áp dụng phương pháp chấm điểm

I. Đánh giá đơn vị cung cấp dịch vụ dầu diesel

Tổng hợp chung về mặt kỹ thuật, mức điểm yêu cầu tối thiểu được quy định không thấp hơn 80% tổng số điểm.

HSDX có tổng số điểm đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

Số TT	Nội dung tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
I	Về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	<u>15</u>	
1	Số năm kinh nghiệm của nhà thầu về thực hiện cung cấp dịch vụ dầu diesel.	<u>5</u>	
	Số năm hoạt động < 5 năm.	1	
	Số năm hoạt động ≥ 5 năm.	2	
	Số năm hoạt động ≥ 7 năm.	3	
	Số năm hoạt động ≥ 10 năm.	5	
2	Kinh nghiệm thực hiện gói thầu về cung cấp dịch vụ dầu diesel	<u>10</u>	
2.1	Đã thực hiện cung cấp dầu diesel trong 5 năm gần đây.	5	

	Kinh nghiệm: 0 hợp đồng	0	
	Kinh nghiệm: 5 hợp đồng	2	
	Kinh nghiệm: 10 hợp đồng	3	
	Kinh nghiệm: ≥ 10 hợp đồng	5	
2.2	<i>Kinh nghiệm của nhà thầu thông qua việc thực hiện công tác cung cấp dịch vụ dầu diesel có giá trị hợp đồng ≥ 500 triệu đồng, trong 5 năm gần đây.</i>	5	
	Kinh nghiệm: 0 hợp đồng	0	
	Kinh nghiệm: 05 hợp đồng	2	
	Kinh nghiệm: 10 hợp đồng	3	
	Kinh nghiệm: ≥ 10 hợp đồng	5	
II	Giải pháp và phương pháp thực hiện công tác lập báo cáo đề xuất cung cấp dịch vụ dầu diesel.	5	
1	Hiểu biết của nhà thầu về mục đích, yêu cầu của gói thầu được nêu trong yêu cầu chào giá.	2	
	Hiểu không đúng	0	
	Hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu giống nhau	2	
2	Cách tiếp cận và phương pháp luận: mức độ hoàn chỉnh hợp lý của phương pháp luận do nhà thầu đề xuất so với yêu cầu	1,5	
	Không đạt yêu cầu	0	
	Tương đối hoàn chỉnh và hợp lý	1	
	Hoàn chỉnh và hợp lý	1.5	
3	Kế hoạch triển khai chương trình công tác *Đính kèm: Bảng kế hoạch phân công công tác của các thành viên tham gia gói thầu này. Đề cương thực hiện gói thầu gồm:	1,5	
3.1	Công tác điều tra, thu thập số liệu, tài liệu liên quan đến gói thầu		
3.2	Công tác khảo sát, điều tra thu thập số liệu.		
3.3	Phương án tham vấn cộng đồng		
3.4	Lập báo cáo đề xuất cung cấp dịch vụ		
III	Chất lượng cung cấp dịch vụ	80	
1	Chất lượng chủng loại dầu diesel 0.05% II		

-	Cam kết hàng hóa có đủ các chứng chỉ, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng theo quy định của nhà Nước hiện hành.	10	
-	Không có cam kết, giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa theo quy định của nhà Nước hiện hành	0	
2	Phương án cấp dầu	<u>25</u>	
-	Chỉ cấp được dầu vào kho trên bộ bên mua	5	
-	Chỉ cấp được dầu cho các phương tiện thủy bên mua	20	
-	Cấp được cả dầu vào kho trên bộ và cấp dầu cho các phương tiện thủy của bên mua	25	
3	Giá thành tốt nhất (đã bao gồm % giá chiết khấu)	<u>10</u>	
	Không có chiết khấu	0	
	Chiết khấu theo thời điểm hoặc chiết khấu cố định < mức chiết khấu bình quân năm 2024 của Cảng Quảng Ninh	5	
	Chiết khấu cố định \geq mức chiết khấu bình quân năm 2024 của Cảng Quảng Ninh	10	
4	Kế hoạch bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa ô nhiễm tràn dầu tại vị trí giao hàng.	<u>3</u>	
5	Lưu mẫu bảo hành trong 2 lần cấp kế tiếp	<u>2</u>	
6	Năng lực cấp hàng khi có yêu cầu	<u>15</u>	
	Cấp trong thời gian < 12h	15	
	Cấp trong thời gian từ 12h đến 24h	10	
	Cấp trong thời gian từ 24h đến 48h	5	
	Cấp trong thời gian > 48h	0	
7	Điều kiện thanh toán	<u>10</u>	
-	Thanh toán trước khi nhận hàng theo từng đơn hàng	0	
-	Thanh toán sau khi nhận hàng theo từng đơn hàng < 5 ngày	2	
	Thanh toán sau khi nhận hàng theo từng đơn hàng thời gian từ 5 đến 10 ngày	5	
	Thanh toán sau khi nhận hàng theo từng đơn > 10 ngày	10	
8	Thiết bị giao hàng	<u>5</u>	
-	Phải đủ các giấy tờ kiểm định theo đúng quy định Nhà nước hiện hành	3	

-	Hàng hóa vận chuyển bằng xe chuyên dụng trước khi giao hàng cho bên mua phải được niêm phong (kẹp chì) theo đúng quy định.	2	
	Tổng cộng: (điểm)	<u>100</u>	<u>70</u>

* Chi chú: Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc thuê.

Hồ sơ đề xuất có tổng số điểm kỹ thuật đạt từ 80% trở lên (theo thang điểm tối đa 100 điểm) sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Xác định giá theo đánh giá tốt nhất

- Giá đánh giá thấp
- Thời gian thanh toán
- Giá trị thanh toán chậm

Bước 1: Sửa lỗi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Bước 3: Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá trị dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III
BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 15 Phần A của HSYC này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[*- Ký đơn chào hàng;*

- *Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*

- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*

- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

- *Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]*⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh.

Mẫu số 4

BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU (1)

<i>Loại thiết bị thi công</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Công suất</i>	<i>Tính năng</i>	<i>Nước sản xuất</i>	<i>Năm sản xuất</i>	<i>Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê⁽²⁾</i>	<i>Chất lượng thực hiện hiện nay</i>

Ghi chú:

(1) Kê khai máy móc thiết bị thi công dùng riêng cho gói thầu này

(2) Trường hợp thuê máy móc thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản sao hợp đồng, bản cam kết hai bên ...).

KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ (ghi tên đầy đủ của nhà thầu)

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trong trường hợp liên doanh, yêu cầu từng thành viên trong liên doanh kê khai theo mẫu này.

Mẫu số 9

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[điền tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]- cung cấp thông tin về tàu tương tự		
Ngày ký hợp đồng	[điền ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[điền ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[điền tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND hoặc USD [điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Trong trường hợp là thành viên trong liên doanh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[điền phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[điền số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND hoặc USD [điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Tên dự án:	[điền tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[điền tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[điền đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[điền số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:	[điền địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 1 Chương II ⁽²⁾			
1. Loại, cấp tàu	[điền thông tin phù hợp]		
2. Giá trị hợp đồng	[điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]		
3. Cấp Hoán cải	[điền quy mô theo hợp đồng]		
4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công	[mô tả về độ phức tạp của công trình]		
5. Các đặc tính khác	[điền các đặc tính khác theo Chương IV]		

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong 03 năm tài chính gần đây

Đơn vị tính: ____ (VND, USD...)

TT		Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

B. Cam kết về lưu lượng tiền mặt sử dụng cho gói thầu:

1. Tài sản có thể chuyển thành tiền mặt: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)

2. Nguồn vốn tín dụng: _____
(kèm theo văn bản xác nhận của tổ chức cung cấp tín dụng)

3. Những phương tiện tài chính khác: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)

C. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai gồm (nhà thầu chỉ cần nộp bản chụp được công chứng, chứng thực của một trong các tài liệu này):

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật trong 03 năm tài chính gần đây ;

2. Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế (có xác nhận của cơ quan thuế là nhà thầu đã nộp Tờ khai) trong 03 năm tài chính gần đây;

3. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu (nếu có) trong 03 năm tài chính gần đây.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trong trường hợp liên doanh, yêu cầu từng thành viên trong liên doanh kê khai theo mẫu này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Căn cứ vào việc [*ghi tên nhà thầu tham dự thầu*], sau đây gọi là “nhà thầu”, sẽ tham dự đấu thầu gói thầu “*Cung cấp dầu diesel*” của Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh.

Chúng tôi [*ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính*] có trụ sở đăng ký tại [*ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính*] xin cam kết với bên mời thầu bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.⁽²⁾

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽³⁾ ngày kể từ ngày _____⁽⁴⁾. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này thì [*ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính*] phải nhận được trước khi kết thúc thời hạn nói trên.

Đại diện hợp pháp của [*ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính*]
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về chào hàng cạnh tranh nêu trong HSYC.”

(3) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I.

(4) Ghi theo thời điểm đóng thầu như quy định tại khoản 1 Mục 12 Chương I.

PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT HÀNG HÓA

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị	Quy cách	Đơn Giá	Số lượng	Tổng (VNĐ hoặc USD)	Thời gian bảo hành
1	

TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA

1. Chất lượng Hàng Hóa:

...

2. Hình ảnh Hàng Hóa:

...

3. Hồ sơ Hàng Hóa:

.....

4. Bảo hành Hàng Hóa:

.....

PHỤ LỤC 02: CHỨNG TỬ GIAO HÀNG⁴²

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

STT	Nội dung hồ sơ/tài liệu	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng		
				Bản gốc	Bản sao có chứng thực	Bản sao do Bên B xác nhận
1						
2						
3						
4						

⁴² Đơn vị triển khai điều chỉnh/bổ sung thông tin phù hợp thực tế

PHỤ LỤC 03: THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA CÁC BÊN

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

1. Bên Bán

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thông tin liên lạc	Chữ ký
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	

2. Bên Mua

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thông tin liên lạc	Chữ ký
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	

PHỤ LỤC 04

DANH SÁCH ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN KÝ BIÊN BẢN GIAO HÀNG HÓA CỦA CÁC BÊN

(Đính kèm Hợp Đồng Nguyên Tác Mua Bán Hàng Hóa số:.....)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Văn bản Ủy quyền số	Thông tin liên lạc	Chữ ký
				Mobile: [-] Email: [-]	
				Mobile: [-] Email: [-]	
				Mobile: [-] Email: [-]	

ĐÍNH KÈM A: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

M1-BLTƯ

BẢO LÃNH HOÀN TRẢ TIỀN TẠM ỨNG SỐ: []⁴³

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên Mua]

Xét rằng, Công ty _____ [ghi tên Bên Mua], trụ sở tại _____ [ghi địa chỉ Bên Mua] (sau đây gọi là “**Bên Mua**”) và Công ty _____ [ghi tên Bên Bán], trụ sở tại _____ [ghi địa chỉ Bên Bán] (sau đây gọi là “**Bên Bán**”) đã ký kết Hợp Đồng [ghi tên Hợp Đồng] số _____ [ghi số Hợp Đồng] đề ngày _____ [ghi ngày ký Hợp Đồng] (sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”).

Xét rằng, theo điều khoản về tạm ứng nêu trong Hợp Đồng, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm việc Bên Bán hoàn trả cho Bên Mua đúng hạn và đầy đủ khoản tiền tạm ứng _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ] (sau đây gọi là “**Tiền Tạm Ứng**”) mà Bên Mua tạm ứng cho Bên Bán để thực hiện Hợp Đồng;

Xét rằng, chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “**Ngân Hàng**”), theo yêu cầu của Bên Bán đã đồng ý phát hành Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này để đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng của Bên Bán theo quy định của Hợp Đồng.

Do đó, Ngân Hàng tại đây cam kết rằng Ngân Hàng bảo lãnh cho Bên Bán và chịu trách nhiệm, thay mặt Bên Bán, thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Mua khoản tiền với tổng giá trị là [Ghi số tiền bảo lãnh]⁴⁴ (“**Số Tiền Bảo Lãnh**”). Ngân Hàng cam kết trả cho Bên Mua toàn bộ hoặc bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn **Số Tiền Bảo Lãnh** ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của Bên Mua thông báo việc Bên Bán vi phạm nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng, trong thời hạn hiệu lực của Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này.

Giá trị của Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên Mua đã thu hồi qua các kỳ thanh toán trên cơ sở việc Bên Bán xuất trình văn bản có xác nhận của Bên Mua về số tiền tạm ứng mà Bên Mua đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Ngân Hàng, tại đây đồng ý và xác nhận rằng, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng được ký giữa Bên Mua và Bên Bán sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân Hàng theo Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này.

Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này có hiệu lực kể từ ngày Bên được bảo lãnh nhận tiền

⁴³ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của NHNN thì Thư bảo lãnh phải có số hiệu.

⁴⁴ Tương đương với Tiền Tạm Ứng.

tạm ứng theo Hợp Đồng cho đến hết 24h ngày ____ tháng ____ năm⁴⁵ ____ (“Ngày Hết Hiệu Lực”).

Ngân Hàng xác nhận đã được thông báo rằng, Bên Bán có trách nhiệm yêu cầu Ngân Hàng thực hiện việc gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này nếu văn bản xác nhận việc Bên Bán đã hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng theo Hợp Đồng không được Bên Mua ban hành [30] (ba mươi)⁴⁶ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực. Ngân Hàng cam kết thanh toán cho Bên Mua toàn bộ Số Tiền Bảo Lãnh khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên Mua, trong thời hạn [30] (ba mươi)⁴⁷ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực, nêu rằng văn bản xác nhận việc Bên Bán hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng theo Hợp Đồng đã không được Bên Mua ban hành và Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này chưa được gia hạn.

Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này được phát hành thành [-]⁴⁸ bản gốc và được điều chỉnh theo luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

T/M VÀ ĐẠI DIỆN CHO NGÂN HÀNG⁴⁹

⁴⁵ Là ngày kết thúc thời hạn thực hiện Hợp Đồng cộng thêm 30 ngày. Lưu ý cần kiểm tra để tránh việc ngày hết hạn trùng vào ngày nghỉ. Bên cạnh đó cần lưu ý đối chiếu tiến độ thu hồi tiền tạm ứng với thời hạn của Thư bảo lãnh và tuân thủ đúng quy trình kiểm soát bảo lãnh để nếu sắp đến Ngày Hết Hiệu Lực mà Bên Mua chưa thu đủ tiền tạm ứng hoặc Bên Bán không chịu hoàn trả tiền tạm ứng thì cần phải yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thay Bên Bán trước Ngày Hết Hiệu Lực của Thư bảo lãnh.

⁴⁶ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GDVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁴⁷ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GDVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁴⁸ Nên quy định số bản gốc là 2. Thông thường Ngân hàng sẽ đề nghị phát hành một bản gốc và yêu cầu khi xuất trình yêu cầu thanh toán sẽ phải xuất trình kèm theo thư bảo lãnh gốc, điều này sẽ gây khó khăn và rủi ro cho Bên Mua (vì có thể có nhiều lần yêu cầu thanh toán và rủi ro là Ngân hàng làm mất bảo lãnh gốc). Do đó, nếu Ngân hàng chỉ phát hành một bản duy nhất thì phần điều kiện thanh toán sẽ không quy định Bên Mua có nghĩa vụ xuất trình kèm bản gốc thư bảo lãnh.

⁴⁹ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của Ngân hàng Nhà nước thì Cam kết bảo lãnh phải được ký bởi: người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Do đó, khi nhận bảo lãnh cần kiểm tra xem người ký có đúng thẩm quyền không (yêu cầu Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết như: Giấy phép thành lập (nếu người đại diện theo PL ký), giấy ủy quyền (nếu đại diện theo ủy quyền ký). Bên cạnh đó, cần lưu ý hiện tại có một số ngân hàng đã phát hành phôi thư bảo lãnh và quy định các thư bảo lãnh hợp lệ phải được in trên phôi do ngân hàng phát hành nên khi nhận thư bảo lãnh cũng cần kiểm tra vấn đề này với Ngân hàng.

M2-BLHĐ

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁵⁰ SỐ: [-]⁵¹

ngày tháng năm

Kính gửi: [Ghi tên Bên Mua]

Xét rằng, Công ty [ghi tên Bên Mua], trụ sở tại [ghi địa chỉ Bên Mua] (sau đây gọi là “**Bên Mua**”) và Công ty [ghi tên Bên Bán], trụ sở tại [ghi địa chỉ Bên Bán] (sau đây gọi là “**Bên Bán**”) đã ký kết Hợp Đồng [ghi tên Hợp Đồng] số [ghi số Hợp Đồng] đề ngày [ghi ngày ký Hợp Đồng] (sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”).

Xét rằng, theo quy định của Hợp Đồng, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một bảo lãnh của một ngân hàng để bảo đảm cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán được quy định trong Hợp Đồng.

Xét rằng, chúng tôi, [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “**Ngân Hàng**”), theo yêu cầu của Bên Bán đã đồng ý phát hành Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này để bảo đảm cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán được quy định trong Hợp Đồng.

Do đó, Ngân Hàng tại đây cam kết rằng Ngân Hàng bảo lãnh cho Bên Bán và chịu trách nhiệm, thay mặt Bên Bán, thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Mua khoản tiền với tổng giá trị là [Ghi số tiền bảo lãnh] (“**Số Tiền Bảo Lãnh**”). Ngân Hàng cam kết trả cho Bên Mua toàn bộ hoặc bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn Số Tiền Bảo Lãnh ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của Bên Mua thông báo việc Bên Bán vi phạm Hợp Đồng, trong thời hạn hiệu lực của Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này, mà không có bất kỳ tranh cãi, lý luận, hay yêu cầu nào về bất kỳ khoản tiền phải thanh toán nào trong giới hạn Số Tiền Bảo Lãnh.

Ngân Hàng, tại đây đồng ý và xác nhận rằng, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng được ký giữa Bên Mua và Bên Bán sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân Hàng theo Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này.

Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết 24h ngày tháng năm⁵², (“**Ngày Hết Hiệu Lực**”).

⁵⁰ Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng.

⁵¹ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của NHNN thì Thư bảo lãnh phải có số hiệu.

⁵² Là ngày kết thúc thời hạn thực hiện Hợp Đồng cộng thêm 70 ngày (hoặc một thời hạn khác ngắn hơn tùy từng trường hợp cụ thể, tính từ ngày mà Bên Bán có trách nhiệm cung cấp bảo lãnh bảo hành (hoặc từ ngày

Ngân Hàng xác nhận đã được thông báo rằng, Bên Bán có trách nhiệm yêu cầu Ngân Hàng thực hiện việc gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này nếu văn bản xác nhận việc Bên Bán đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng không được Bên Mua ban hành [70] (bảy mươi)⁵³ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực. Ngân Hàng cam kết thanh toán cho Bên Mua toàn bộ Số Tiền Bảo Lãnh khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên Mua, trong thời hạn [30] (ba mươi)⁵⁴ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực, nêu rằng văn bản xác nhận việc Bên Bán hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng đã không được Bên Mua ban hành và Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp này chưa được gia hạn.

Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này được phát hành thành [-]⁵⁵ bản gốc và được điều chỉnh theo luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

T/M VÀ ĐẠI DIỆN CHO NGÂN HÀNG⁵⁶

hoàn thành công việc) theo quy định của Hợp Đồng. Lưu ý cần kiểm tra để tránh việc Ngày Hết Hiệu Lực trùng vào ngày nghỉ. Bên cạnh đó cần lưu ý đối chiếu việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng (bao gồm cả nghĩa vụ cung cấp bảo lãnh bảo hành) của Bên Bán với thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh và tuân thủ đúng quy trình kiểm soát bảo lãnh để nếu sắp đến Ngày Hết Hiệu Lực mà Bên Bán không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng thì cần yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Bên Bán.

⁵³ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GDVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 70 ngày

⁵⁴ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GDVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁵⁵ Nên quy định số bản gốc là 2. Thông thường Ngân hàng sẽ đề nghị phát hành một bản gốc và yêu cầu khi xuất trình yêu cầu thanh toán sẽ phải xuất trình kèm theo thư bảo lãnh gốc, điều này sẽ gây khó khăn và rủi ro cho Bên Mua (vì có thể có nhiều lần yêu cầu thanh toán và rủi ro là Ngân hàng làm mất bảo lãnh gốc). Do đó, nếu Ngân hàng chỉ phát hành một bản duy nhất thì phần điều kiện thanh toán sẽ không quy định Bên Mua có nghĩa vụ xuất trình kèm bản gốc thư bảo lãnh.

⁵⁶ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của Ngân hàng Nhà nước thì Cam kết bảo lãnh phải được ký bởi: người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Do đó, khi nhận bảo lãnh cần kiểm tra xem người ký có đúng thẩm quyền không (yêu cầu Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết như: Giấy phép thành lập (nếu người đại diện theo PL ký); giấy ủy quyền (nếu đại diện theo ủy quyền ký). Bên cạnh đó, cần lưu ý hiện tại có một số ngân hàng đã phát hành phôi thư bảo lãnh và quy định các thư bảo lãnh hợp lệ phải được in trên phôi do ngân hàng phát hành nên khi nhận thư bảo lãnh cũng cần kiểm tra vấn đề này với Ngân hàng.

M3-BLBH

BẢO LÃNH BẢO HÀNH⁵⁷ Số: [-]⁵⁸

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên Mua]

Xét rằng, Công ty _____ [ghi tên Bên Mua], trụ sở tại _____ [ghi địa chỉ Bên Mua] (sau đây gọi là “**Bên Mua**”) và Công ty _____ [ghi tên Bên Bán], trụ sở tại _____ [ghi địa chỉ Bên Bán] (sau đây gọi là “**Bên Bán**”) đã ký kết Hợp Đồng [ghi tên Hợp Đồng] số _____ [ghi số Hợp Đồng] đề ngày _____ [ghi ngày ký Hợp Đồng] (sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”).

Xét rằng, theo quy định của Hợp Đồng, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một bảo lãnh của một ngân hàng để bảo đảm cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán đối với việc bảo hành Hàng Hóa theo quy định trong Hợp Đồng.

Xét rằng, chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “**Ngân Hàng**”), theo yêu cầu của Bên Bán đã đồng ý phát hành Bảo Lãnh Bảo Hành này để đảm bảo cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán đối với việc bảo hành Hàng Hóa được quy định trong Hợp Đồng.

Do đó, Ngân Hàng tại đây cam kết rằng Ngân Hàng bảo lãnh cho Bên Bán và chịu trách nhiệm, thay mặt Bên Bán, thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Mua khoản tiền với tổng giá trị là [Ghi số tiền bảo lãnh] (“**Số Tiền Bảo Lãnh**”). Ngân Hàng cam kết trả cho Bên Mua toàn bộ hoặc bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn Số Tiền Bảo Lãnh ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của Bên Mua thông báo việc Bên Bán vi phạm nghĩa vụ bảo hành theo quy định của Hợp Đồng, trong thời hạn hiệu lực của Bảo Lãnh Bảo Hành này.

Ngân Hàng, tại đây đồng ý và xác nhận rằng, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng được ký giữa Bên Mua và Bên Bán sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân Hàng theo Bảo Lãnh Bảo Hành này.

Bảo Lãnh Bảo Hành này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết 24h ngày _____ tháng _____ năm⁵⁹ (“**Ngày Hết Hiệu Lực**”).

⁵⁷ Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng.

⁵⁸ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của NHNN thì Thư bảo lãnh phải có số hiệu.

⁵⁹ Là ngày kết thúc thời hạn bảo hành cộng thêm 70 ngày (hoặc thời hạn khác ngắn/dài hơn tùy từng trường hợp cụ thể, tính từ ngày mà Bên Bán hết trách nhiệm bảo hành theo quy định của Hợp Đồng. Lưu ý cần kiểm tra để tránh việc ngày hết hạn trùng vào ngày nghỉ. Bên cạnh đó cần lưu ý đối chiếu việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Bên Bán với thời hạn của thư bảo lãnh và tuân thủ đúng quy trình kiểm soát bảo lãnh để nếu sắp đến Ngày Hết Hiệu Lực mà Bên Bán chưa thực hiện xong nghĩa vụ thì cần yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thay Bên Bán trước Ngày Hết Hiệu Lực của Thư bảo lãnh.

Ngân Hàng xác nhận đã được thông báo rằng, Bên Bán có trách nhiệm yêu cầu Ngân Hàng thực hiện việc gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo Lãnh Bảo Hành này nếu văn bản xác nhận việc Bên Bán đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo Hợp Đồng không được Bên Mua ban hành 70 (bảy mươi)⁶⁰ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực. Ngân Hàng cam kết thanh toán cho Bên Mua toàn bộ Số Tiền Bảo Lãnh khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên Mua, trong thời hạn [30](ba mươi)⁶¹ ngày trước Ngày Hết Hạn Hiệu Lực, nêu rằng văn bản xác nhận việc Bên Bán hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo Hợp Đồng đã không được Bên Mua ban hành và Bảo Lãnh Bảo Hành này chưa được gia hạn.

Bảo Lãnh Bảo Hành này được phát hành thành [-]⁶² bản gốc và được điều chỉnh theo luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Bảo Lãnh Bảo Hành này sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

T/M VÀ ĐẠI DIỆN CHO NGÂN HÀNG⁶³

⁶⁰ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GĐVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 70 ngày.

⁶¹ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GĐVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁶² Nên quy định số bản gốc là 2. Thông thường Ngân hàng sẽ đề nghị phát hành một bản gốc và yêu cầu khi xuất trình yêu cầu thanh toán sẽ phải xuất trình kèm theo thư bảo lãnh gốc, điều này sẽ gây khó khăn và rủi ro cho Bên Mua (vì có thể có nhiều lần yêu cầu thanh toán và rủi ro là Ngân hàng làm mất bảo lãnh gốc). Do đó, nếu Ngân hàng chỉ phát hành một bản duy nhất thì phần điều kiện thanh toán sẽ không quy định Bên Mua có nghĩa vụ xuất trình kèm bản gốc thư bảo lãnh.

⁶³ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của Ngân hàng Nhà nước thì Cam kết bảo lãnh phải được ký bởi: người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Do đó, khi nhận bảo lãnh cần kiểm tra xem người ký có đúng thẩm quyền không (yêu cầu Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết như: Giấy phép thành lập (nếu người đại diện theo PL ký), giấy ủy quyền (nếu đại diện theo ủy quyền ký). Bên cạnh đó, cần lưu ý hiện tại có một số ngân hàng đã phát hành phôi thư bảo lãnh và quy định các thư bảo lãnh hợp lệ phải được in trên phôi do ngân hàng phát hành nên khi nhận thư bảo lãnh cũng cần kiểm tra vấn đề này với Ngân hàng.

Phần thứ hai:
YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GÓI THẦU

Stt	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí
1	Tổng số lượng dầu diesel dự kiến mua năm 2025	800.000 lít
2	Chủng loại dầu diesel	Dầu diesel DO 0,05S II
3	Chất lượng	Đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành
4	Thời gian bảo hành	Sau 3 đợt giao hàng kế tiếp
5	Thời gian giao hàng	Theo yêu cầu của bên mua
6	Điều kiện thanh toán	Sau khi giao hàng
7	Địa điểm giao hàng	Kho trên bãi và trực tiếp cho các phương tiện thủy tại Công ty CP Cảng Quảng Ninh
8	Phương tiện giao hàng	Đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XĂNG DẦU

Số:...../CQN/.....

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/6/2005; Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, ngày 29/11/2005; các thông tư và văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, ngày 03/9/2014 của Chính phủ về “Kinh doanh xăng dầu” (Nghị định 83); Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, ngày 01/11/2021 của Chính phủ (Nghị định 95) và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 sửa đổi của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Căn cứ Nghị định số 99/2020/NĐ-CP, ngày 26/8/2020 của Chính phủ “Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí” (Nghị định 99).

Căn cứ Thông tư số 16/2022/TT-BKHCN Ngày 15/12/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ “V/v: ban hành và thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học” có hiệu lực từ 01/02/2023.

Căn cứ Thông tư 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/08/2015 của Bộ khoa học CN “*Quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu*” (TT15);

Căn cứ vào Quyết định số 258/PLX-QĐ-TGD, ngày 08/5/2023 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam “Quy định giao nhận xăng dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam” (QĐ258).

Căn cứ nhu cầu và năng lực các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại, chúng tôi gồm:

I- BÊN BÁN	
Địa chỉ	
Số điện thoại	
Tài khoản	
Mã số thuế	
Đại diện	
Giấy uỷ quyền	
II- BÊN MUA	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH (BÊN B)
Địa chỉ	Số 1- Đường Cái Lân - P.Bãi Cháy - TP Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
Số điện thoại	0203.3825.627 / Fax: 02033.826.118
Email	vattu@quangninhport.com.vn
Tài khoản	05001010069688 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Quảng Ninh
Mã số thuế	5700100231
Đại diện	Ông Hoàng Trọng Tùng - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. SỐ LƯỢNG, ĐƠN HÀNG, ĐẢM BẢO NGUỒN HÀNG

Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua các mặt hàng xăng dầu như sau:

1.1. Số lượng, chủng loại và tiến độ:

- **Số lượng, chủng loại:** Bên B cam kết sản lượng tiêu thụ bình quân tháng, cụ thể:

STT	TÊN HÀNG	Tên viết tắt	Số lượng dự kiến đăng ký mua/năm	Ghi chú
1	Diesel 0,05S-II	DO 0,05S-II	800.000 lít ± 10% Lít	Cấp trên kho
2	Diesel 0,001S-V	DO 0,001S-V		

3	Diesel 0,05S-II	DO 0,05S-II	Cấp cho phương tiện thủy
---	-----------------	-------------	--------------------------

Trong trường hợp Bên B thay đổi sản lượng tiêu thụ như đăng ký trên, 2 bên sẽ xem xét và thống nhất tại phụ lục hợp đồng.

- **Đơn hàng hàng tháng:** Chậm nhất vào ngày 15 đến ngày 17 hàng tháng, Bên B có trách nhiệm đăng ký nhu cầu hàng hóa của tháng tiếp theo cho Bên A bằng văn bản (bản gốc, bản chính hoặc scan qua fax, email hoặc zalo,...) ghi rõ số lượng, chủng loại hàng hóa để Bên A chuẩn bị nguồn hàng đáp ứng nhu cầu của Bên B”.

1.2. Đảm bảo nguồn hàng.

- Bên A thống nhất với Bên B việc bán hàng cho Bên B theo nhu cầu/hợp đồng;
 - Trường hợp Bên B có nhu cầu mua sản lượng vượt ngoài phạm vi hai bên thỏa thuận nêu trên, phải thông báo kịp thời cho Bên A để Bên A xem xét và chỉ đáp ứng khi Bên A có khả năng cân đối được nguồn.

1.3. Tiêu chuẩn về chất lượng hàng hóa: Bên A có trách nhiệm bán hàng cho Bên B đảm bảo tiêu chuẩn xăng dầu đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước và phù hợp tiêu chuẩn TCVN, Quy chuẩn Quốc gia về xăng, nhiên liệu Diesel và nhiên liệu sinh học hiện hành. Từng lô/chuyên hàng có kèm theo cam kết chất lượng. Tại thời điểm ký hợp đồng xăng dầu theo tiêu chuẩn đã đăng ký sau:

- DO 0,05S-II: TCCS 03:2023/PLX;
- DO 0,001S-V: TCCS 03:2023/PLX;
- Đối với dầu mỡ nhìn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

* Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có sự thay đổi tiêu chuẩn cơ sở về yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa thì Bên A sẽ kịp thời thông báo và cung cấp cho bên B.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

2.1. Địa điểm và thời gian giao nhận hàng hoá.

2.1.1. Địa điểm giao nhận hàng hoá:

- Tại
- Giao nhận.....

2.1.2. Thời gian giao nhận: Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, thời gian, số lượng, chủng loại cụ thể sẽ do đại diện được uỷ quyền của Bên A thông báo (Fax, Email, điện thoại, mạng xã hội) cho Bên B (người được giao nhiệm vụ tiếp nhận thông báo nhận hàng) trước 24 giờ đối với ngày làm việc bình thường, 48 giờ đối với ngày lễ, thứ Bảy, Chủ nhật và theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng này.

2.2. Phương thức giao nhận - đơn vị đo lường.

2.2.1. Phương thức giao nhận: Thực hiện giao nhận hàng hoá theo TCN01:2000, QĐ258 và các quy định cụ thể của Bên A khi xuất hàng bằng hệ thống tự động hóa tại các bến xuất xăng dầu.

2.2.1.1. Giao nhận theo số lượng:

a. Đối với Dầu Diesel 0,05S-II: Số lượng hàng hoá được hiển thị trên đồng hồ cột bom điện tử hoặc đồng hồ dầu tại Cửa hàng xăng dầu thuộc bên A theo Giấy chứng nhận kiểm định hợp pháp của cơ quan Nhà nước và được thể hiện trên hoá đơn bán hàng do bên A phát hành. Số lượng giao nhận được thể hiện trên các biên bản giao nhận hàng hóa đã được Bên B ủy quyền (Thuyền trưởng/Máy trưởng hoặc người đại diện bên B) cùng người đại diện giao hàng của bên A hoặc đại diện phương tiện vận tải ký xác nhận. Sau khi hàng hóa đã giao nhận xong và ký các biên bản giao nhận, Bên A không có trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào về số lượng, chất lượng hàng hóa giao nhận.

b. Đối với Dầu Diesel 0,05S-II hoặc Diesel 0,001S-V giao nhận tại bến xuất đường bộ tại

- Số lượng xuất xăng dầu đường bộ là số chỉ tức thời tại hệ thống xuất hàng đường bộ bằng

- Hệ thống xuất hàng bằng đồng hồ xăng dầu có hệ thống tự động hóa tại khâu xuất xăng dầu đường bộ, thì số lượng hiển thị trên máy tính là số lượng chính thức để lập hóa đơn/phiếu xuất kho.

- Thứ tự ưu tiên đối với xuất hàng đường bộ: (1) Hệ thống xuất hàng bằng đồng hồ xăng dầu; (2) Dung tích thực tế của xi téc được cấp giấy chứng nhận kiểm định.

- Trong trường hợp bên xuất không có hệ thống xuất hàng bằng đồng hồ hoặc hệ thống xuất hàng bằng đồng hồ không đảm bảo độ chính xác: Số lượng xăng dầu được đo tính xác định tại xi téc ô tô thông qua dung tích tại giấy chứng nhận kiểm định bằng dung tích là cơ sở pháp lý để thanh quyết toán giữa bên giao và bên nhận hàng.

c. Đối với dầu mỡ nhờn: Giao nhận được tính bằng Lít hoặc Kilôgam (Kg) hoặc lon, hộp, thùng (theo số lượng ghi trên bao bì còn nguyên đai/nguyên kiện của nhà sản xuất).

2.1.1.2. Quản lý về chất lượng hàng hóa: Việc lấy mẫu, niêm phong mẫu, bàn giao mẫu và lưu mẫu xăng dầu phục vụ việc đối chứng khi có tranh chấp về chất lượng được quy định theo Thông tư 15/2015/TT-BKHCHN, ngày 25/08/2015 của Bộ khoa học CN và các quy định khác, cụ thể:

a. Lấy mẫu và giao nhận mẫu:

- Khi Bên A giao hàng cho Bên B bằngthì Bên A sẽ tiến hành lấy mẫu tại cửa hàng đó để giao cho Bên B khi bên B có yêu cầu.

- Khi Bên A giao hàng cho Bên B tại bến xuất đường bộ của Bên A sẽ tiến hành lấy mẫu đại diện tại bể xuất hàng để lưu và thử nghiệm đánh giá chất lượng và cấp phiếu kết quả thử nghiệm trước khi xuất hàng cho phương tiện. Mẫu lưu lấy mẫu tại bể xuất hàng là mẫu đối chứng đại diện cho chất lượng lô hàng xuất tại bến xuất đường bộ của Bên A. Bên B có yêu cầu lấy mẫu tại phương tiện (trước khi rời bến xuất của bên giao xăng dầu) Sau khi phương tiện của Bên B nhận xong hàng, Bên A sẽ lấy mẫu tại phương tiện vận chuyển đó, mẫu sẽ được niêm phong và lập biên bản lấy mẫu, bàn giao mẫu, số liệu giao nhận hàng hóa và cam kết chất lượng chuyển cho lái xe/nhân viên giao nhận để giao cho Bên B, các mẫu này đều là mẫu đối chứng đại diện cho chất lượng của hàng hóa mà Bên A giao cho Bên B trong trường hợp có tranh chấp và khiếu nại về chất lượng.

b. Đối với mẫu lưu: Các bên tham gia giao nhận phải duy trì thực hiện việc lấy mẫu xăng dầu, niêm phong mẫu, lưu mẫu và bàn giao mẫu xăng dầu thực hiện đối với từng lần giao nhận xăng dầu; Mẫu lưu được niêm phong và cùng với biên bản giao nhận tại từng khâu trong quá trình lưu thông, làm cơ sở đại diện chất lượng giao nhận hàng và dùng để giải quyết khi có tranh chấp về chất lượng.

- Bên B phải bảo quản, lưu mẫu đã tiếp nhận của Bên giao và mẫu đã lấy khi nhập xăng dầu cho đến khi nhập xăng dầu cùng loại hai (02) lần kế tiếp. Mẫu xăng dầu phải được bảo quản, lưu trong điều kiện phù hợp bảo đảm không bị biến đổi về chất lượng. Mẫu này sẽ là mẫu đại diện làm cơ sở để giải quyết tranh chấp trong trường hợp có vướng mắc về chất lượng hàng hóa khi cần thiết các mẫu trên sẽ được kiểm nghiệm tại cơ quan giám định độc lập do hai bên cùng chỉ định. Kết quả kiểm nghiệm sẽ là cơ sở để giải quyết các sai phạm về chất lượng và xác định trách nhiệm của mỗi bên (nếu có). Mọi chi phí do bên có lỗi chịu.

- Mẫu tại bể xuất hàng của Bên A được lưu tại Bên A, thời gian lưu mẫu tối thiểu 15 ngày (bến xuất đường bộ)/30 ngày (bến xuất đường thủy).

c. Khi có tranh chấp, khiếu nại hoặc kiểm tra nhà nước về chất lượng dầu:

- Nếu mẫu của Bên A gửi theo phương tiện vận chuyển và mẫu của Bên B lấy khi nhập hàng có kết quả thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng thì trách nhiệm về chất lượng xăng dầu có khiếu nại, tranh chấp hoặc kiểm tra nhà nước do Bên B chịu trách nhiệm.

- Nếu mẫu của Bên A gửi kèm theo phương tiện vận chuyển có kết quả không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng thì trách nhiệm về chất lượng xăng dầu có khiếu nại, tranh chấp hoặc kiểm tra nhà nước do Bên A giao xăng dầu chịu trách nhiệm.

khi nhập hàng có kết quả thử nghiệm không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng thì Bên vận tải xăng dầu chịu trách nhiệm.

- Khi xảy ra tranh chấp chất lượng giữa bên B với khách hàng tiêu dùng hoặc với các đoàn thanh kiểm tra nhà nước, mà có yêu cầu giám định chất lượng mẫu lưu trong các quá trình giao nhận, thì bên B phải thông báo ngay cho bên A biết để cùng xác nhận việc bàn giao mẫu trước khi mang đi phân tích đánh giá chất lượng.

- Trường hợp do bất kỳ lý do gì mà mẫu lưu bị thất lạc/mất hoặc mẫu bị dỡ, tháo niêm phong mà không có sự chứng kiến của đại diện bên A thì bên A không chịu trách nhiệm về chất lượng cho lượng hàng hóa kém chất lượng đang tranh chấp.

2.1.1.3. Đơn vị đo lường:

- Đối với dầu diesel là lít ở nhiệt độ thực tế;

- Đối với dầu mỡ nhờn: giao nhận được tính bằng Lít hoặc Kilôgam (Kg) giao nhận nguyên đai, nguyên kiện sẽ căn cứ vào số lượng ghi trên bao bì của Nhà sản xuất.

2.2.2. Thời gian khiếu nại: Mọi khiếu nại về chất lượng hàng hóa, số lượng hàng hóa phải được gửi cho Bên A trong thời hạn 15 ngày (bến xuất đường bộ)/30 ngày (bến xuất đường thủy) kể từ ngày ghi trên hóa đơn xuất bán hàng hóa (hoặc chứng từ khác chứng nhận ngày giao hàng của Bên A) trừ ngày nghỉ theo quy định và phải dựa trên cơ sở mẫu lưu quy định ở trên. Quá thời hạn trên các bên mất quyền khiếu nại.

2.3. Hồ sơ giao nhận hàng hóa: Bên A giao cho Bên B các hồ sơ giao nhận: Hóa đơn giá trị gia tăng (Hóa đơn điện tử), phiếu kết quả thử nghiệm hàng hóa; biên bản lấy mẫu (nếu có); biên bản niêm phong, bàn giao, số liệu giao nhận hàng hóa và cam kết chất lượng.

Người được Bên B ủy quyền ký nhận chứng từ giao nhận hàng hóa chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ chứng từ trong suốt quá trình vận chuyển và giao lại cho Bên B. Trường hợp người được Bên B ủy quyền ký nhận chứng từ làm mất, hư hỏng chứng từ giao nhận thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi vấn đề có liên quan đến việc để mất, hư hỏng chứng từ giao nhận theo các văn bản pháp luật hiện hành, đồng thời thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản (nếu cần thiết) để hai bên phối hợp xử lý.

2.4. Quy định về phương tiện, bên vận chuyển xăng dầu.

- Hàng hoá do phương tiện của Bên B vận chuyển và Bên B chịu mọi trách nhiệm về số lượng, chất lượng khi đã nhận hàng;

- Phương tiện của bên mua đến nhận hàng tại bến xuất đường thủy/bến xuất đường bộ của bên B phải đáp ứng đủ các quy định của nhà nước mới được nhận hàng. Các giấy tờ gồm: Đăng ký phương tiện, giấy phép vận chuyển, giấy chứng nhận đăng kiểm dung tích, Bảng dung tích dung tích, giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy, giấy phép về đảm bảo vệ sinh môi trường;

- Phương tiện của Bên B phải tuân thủ các quy định về niêm phong, kẹp chì và kiểm tra trước khi nhận hàng và kiểm tra sau khi nhận hàng theo đúng nội quy, quy chế bến xuất của bên bán/ bên giao xăng dầu.

2.5. Quyền sở hữu và rủi ro về hàng hoá.

- Hàng hoá được chuyển giao từ Bên A sang Bên B khi phương tiện vận chuyển của Bên B đã nhận xong hàng và ra khỏi bến xuất kho Bên A; hoặc từ khi bên A cắt ống kết thúc quá trình bơm hàng hoá vào két chứa nhiên liệu của bên B và hai bên ký Biên bản xác nhận hoàn tất việc giao nhận hàng hóa;

- Bên A không chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro, tổn thất về hàng hoá (bao gồm cả số lượng và chất lượng) phát sinh sau thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá.

ĐIỀU 3. GIÁ BÁN VÀ THANH TOÁN

3.1. Giá bán.

a) Trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất của hai bên, Bên A sẽ thông báo giá bán cho Bên B

b) Giá bán được thông báo cho Bên B bằng văn bản và ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng do Bên A phát hành.

3.2. Phương thức thanh toán: Bên B đồng ý cho Bên A thanh toán chậm trả bằng hình thức tín chấp;

3.2.1. Thời hạn thanh toán và định mức công nợ:

- Thời hạn thanh toán: Căn cứ vào hóa đơn của Bên A phát hành cho Bên B, Bên B sẽ thanh toán sau 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

- Định mức công nợ: Mức dư nợ tối đa tại mọi thời điểm nhận hàng của Bên B không vượt quá **2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)**.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có sự thay đổi về định mức dư nợ thì hai Bên cùng nhau thương lượng và thống nhất bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là phần không tách rời của hợp đồng.

- Trường hợp giá trị tiền hàng vượt định mức, nếu Bên B muốn nhận hàng tiếp Bên B phải thanh toán số tiền hàng đã nợ theo định mức cho Bên A thì Bên A mới được tiếp tục cấp hàng. Nếu Bên B không thanh toán thì Bên A có quyền dừng cấp hàng và không phải chịu trách nhiệm mọi thiệt hại do việc ngừng cấp hàng gây ra.

- Khi kết thúc năm tài chính hàng năm, Bên B có trách nhiệm thanh toán dứt điểm toàn bộ giá trị tiền hàng cho Bên A chậm nhất đến ngày cuối cùng của năm (ngày 31/12).

- Đối chiếu tiền hàng: Hai bên tiến hành lập và ký xác nhận vào biên bản đối chiếu hàng hóa, công nợ đã giao nhận và các khoản phát sinh khác theo thời hạn 01 tháng/02 lần. Nếu phát sinh nhu cầu đối chiếu sản lượng và công nợ tại các thời điểm khác nhau, hai bên sẽ thống nhất lập và ký nhận biên bản đối chiếu theo thời điểm đề nghị.

3.2.2. Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng chuyển khoản vào các tài khoản tại hợp đồng.

3.2.3. Đồng tiền thanh toán: Đồng (VNĐ).

3.2.4. Hình thức thanh toán:

a) Bằng chuyển khoản. Bên B chuyển tiền cho Bên A vào tài khoản bất kỳ của Bên A ghi trên hợp đồng.

b) Bên B chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A bao gồm tiền hàng theo đơn giá thoả thuận trên đây, tiền thuế (bảo vệ môi trường, giá trị gia tăng), các khoản phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.

c) Chứng từ thanh toán: Bên A sử dụng hóa đơn điện tử trong giao dịch mua bán, giao nhận hàng hóa.

- Bên B đăng ký địa chỉ Email trên hợp đồng để nhận thông báo mã tra cứu hóa đơn điện tử cụ thể: **đăng nhập website:** (trang web của để kiểm tra thông tin và in hóa đơn điện tử. Trường hợp Bên B thay đổi địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử ghi trên hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thông báo/gửi văn bản kịp thời cho Bên A trước khi đăng ký mua hàng 24 tiếng để Bên A điều chỉnh theo quy định.

- Tiền Bên B phải thanh toán cho Bên A khi mua hàng được thể hiện trên hoá đơn bán hàng bao gồm: Tiền hàng, thuế giá trị gia tăng theo qui định.

3.2.5. Đồng tiền thanh toán: Đồng (VNĐ).

3.3. Định mức công nợ: Trong mọi trường hợp việc thanh toán của bên B phải đáp ứng đồng thời cả 02 (hai) điều kiện là số ngày nợ tối đa và giá trị nợ tối đa:

- Số ngày nợ tối đa: sau 20 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn, bên B thanh toán tiền chuyển hàng đã nhận cho bên A. Khi đã quá hạn trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán dứt điểm tiền hàng thì đương nhiên được coi là Bên B đã vi phạm về điều kiện thanh toán, Bên A có quyền tạm dừng giao hàng và không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc dừng giao hàng cho bên B.

- Trường hợp đến định mức dư nợ, nếu bên B muốn nhận hàng tiếp bên B phải thanh toán số tiền hàng đã nợ theo định mức cho bên A thì bên B mới được tiếp tục nhận hàng. Nếu trong vòng 10 ngày bên B dừng mua hàng mà không đưa ra được lý do cụ thể nào, bên B phải thanh toán dứt điểm số công nợ tiền hàng tại thời điểm đó cho bên A.

3.4. Đối chiếu công nợ:

- Hai bên tiến hành lập và ký xác nhận vào biên bản đối chiếu hàng hóa, công nợ đã giao nhận và các khoản phát sinh khác theo thời hạn 01 quý/01 lần. Chậm nhất đến ngày 10 của tháng sau/kỳ sau, bên A cùng bên B tổ chức đối chiếu công nợ đã nhận trong tháng trước/kỳ trước. Nếu phát sinh nhu cầu đối chiếu sản lượng và công nợ tại các thời điểm khác nhau, hai bên sẽ thống nhất lập và ký nhận biên bản đối chiếu theo thời điểm đề nghị;

- Người ký biên bản đối chiếu công nợ phải là người đại diện theo pháp luật hoặc có ủy quyền (hoặc người được giao được ghi rõ trong hợp đồng này).

ĐIỀU 4. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Bên A.

- Bên A: cam kết thực hiện cung cấp đủ nguồn hàng theo tiến độ nhận hàng về số lượng, loại hàng tại hợp đồng/phụ lục hợp đồng ký kết giữa hai bên;

- Tạo điều kiện để Bên B nhận hàng nhanh chóng, thuận tiện; cung cấp cho Bên B đầy đủ các chứng từ có liên quan;

- Đảm bảo thời gian cấp hàng theo đăng ký của Bên B trừ trường hợp bất khả kháng;

- Thông báo kịp thời cho Bên B khi có thay đổi kế hoạch cấp hàng hoặc khi có chỉ đạo của cơ quan chức năng, cấp trên (.....);

- Bảo đảm chất lượng, số lượng của hàng hoá cho Bên B theo nhu cầu đã đăng ký;

- Trong trường hợp Bên B vận tải, Bên A sẽ tạo điều kiện để Bên B nhận hàng nhanh chóng, thuận tiện;

- Có quyền ngừng giao hàng trong trường hợp, Bên B thanh toán không đúng hạn (ngày và hạn mức nợ theo hợp đồng) hoặc không thực hiện theo đúng tiến độ tại Điều 1 và không phải chịu trách nhiệm về những tổn thất do việc ngừng giao hàng gây ra cho bên B;

- Có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng nếu Bên B vi phạm nghiêm trọng các thoả thuận trong hợp đồng này và không phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do việc đình chỉ thực hiện hợp đồng gây ra;

- Phối hợp với Bên B tổ chức lấy mẫu, lập hồ sơ và lưu mẫu theo quy định.

4.2. Bên B.

- Cam kết tiêu thụ lượng hàng đã đăng ký với Bên A theo đúng thời gian, tiến độ đã thoả thuận;

- Thông báo kịp thời cho Bên A khi có thay đổi kế hoạch nhận hàng;

- Đăng ký đại diện nhận hàng và chữ ký của các đại diện nhận hàng;

- Đảm bảo các điều kiện an toàn cho phương tiện của Bên A khi giao hàng;

- Khi nhận hàng, đại diện nhận hàng của Bên B phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ chứng nhận là người có thẩm quyền nhận hàng cho bên B;

- Người nhận hàng của Bên B có trách nhiệm cùng đại diện của Bên A ký vào chứng từ, hồ sơ giao nhận hàng hoá tại địa điểm giao nhận hàng hoá;

- Thanh toán đầy đủ và kịp thời tiền hàng đúng thời hạn quy định ghi trong hợp đồng;

- Chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng, số lượng kể từ thời điểm quyền sở hữu hàng hóa từ Bên A chuyển sang Bên B trừ trường hợp do lỗi của Bên A;

- Tự nguyện chấp hành các quy định của cấp trên của Bên A (.....) về tiến độ nhận hàng khi có thay đổi (nếu có). Thông báo hoặc quy định của cấp trên của Bên A được coi

+ Khi hàng hoá có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng như Hợp đồng đã ký. Trường hợp này, đại diện người giao nhận hai bên tiến hành lập biên bản và lấy 03 (ba) mẫu hàng hoá, mỗi bên lưu 01 (một) mẫu, 01 (một) mẫu hoá nghiệm tại phòng thử nghiệm của Bên A. Chi phí thử nghiệm và mọi phí tổn liên quan đến lô hàng sẽ do Bên có lỗi chịu. Kết quả thử nghiệm là cơ sở để 2 bên xử lý các bước tiếp theo;

+ Phát hiện ra thiết bị cấp hàng của Bên A có dấu hiệu không đảm bảo về số lượng theo quy định của Nhà nước;

- Có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng nếu Bên A vi phạm nghiêm trọng các thoả thuận trong hợp đồng này và không phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do việc đình chỉ thực hiện hợp đồng gây ra;

- Phối hợp và tạo điều kiện để Bên A giao hàng nhanh chóng, thuận tiện;

- Phối hợp với Bên A tổ chức lấy mẫu, lập hồ sơ và lưu mẫu theo quy định.

ĐIỀU 5. VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ CHẾ TÀI

Trong trường hợp Bên B vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng này, tùy theo mức độ vi phạm cụ thể, Bên A có quyền áp dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp chế tài sau:

5.1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng và buộc Bên B phải áp dụng các biện pháp có thể để khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm nhằm tránh và hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra với Bên A. Mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ này sẽ do Bên B chịu trách nhiệm.

5.2. Thông báo đơn phương chấm dứt hiệu lực hợp đồng trước thời hạn.

5.3. Khởi kiện.

ĐIỀU 6. BẤT KHẢ KHÁNG

6.1. Các trường hợp bất khả kháng bao gồm.

6.1.1. Chiến tranh, dịch bệnh do cơ quan có thẩm quyền công bố, thiên tai (bao gồm nhưng không hạn chế như động đất, lũ lụt, sấm sét khí hậu khắc nghiệt đặc biệt thay đổi đột ngột).

6.1.2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi, sửa đổi, ban hành mới các chính sách, quyết định, quy định sau thời điểm các Bên ký Hợp đồng này dẫn đến hậu quả các Bên không thể thực hiện Hợp đồng.

6.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng cho một bên thì trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại và trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc phải gửi văn bản cho bên còn lại mô tả về nguyên nhân của sự cố, ảnh hưởng của sự cố đối với việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và gửi kèm các chứng nhận về việc xảy ra sự cố có chính quyền địa phương xác nhận. Ngay sau khi sự cố bất khả kháng chấm dứt, các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng này.

6.3. Nếu các tình huống do bất khả kháng gây ra kéo dài quá 90 ngày theo lịch, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng sẽ được xem xét một cách hợp lý và thống nhất giữa các bên.

ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trường hợp xảy ra tranh chấp, trước hết hai bên phải chủ động gặp gỡ nhau cùng bàn bạc thương lượng để giải quyết trên cơ sở quyền lợi hợp pháp của mỗi bên;

- Nếu hai bên không tự thương lượng giải quyết được thì thống nhất nhờ Toà kinh tế, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh làm trung gian hoà giải cho quyền lợi của các bên. Chi phí hoà giải do Toà án quyết định;

- Nếu sau khi Toà án hoà giải mà quyền lợi của các bên vẫn chưa thoả đáng thì thống nhất đưa ra Toà kinh tế, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh phân xử theo luật định. Quyết định của Toà án là cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên. Mọi chi phí tố tụng do bên có lỗi chịu.

8.1. Đối với Dầu Diesel 0,05S-II và Dầu mỡ nhờn giao nhận qua Cửa hàng xăng dầu:
Bên A giao cho hoặc trực tiếp giao nhận hàng hoá, thực hiện nghiêm túc điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

8.2. Đối với Dầu Diesel 0,05S-II hoặc Diesel 0,001S-V giao nhận tại bến xuất bên A
(Tại) trực tiếp thực hiện việc giao nhận hàng hóa, phát hành hóa đơn theo giá bán buôn, tổng hợp đối chiếu thanh quyết toán tiền hàng bao gồm cả lượng hàng hóa giao cho bên B tại cửa hàng xăng dầu.

ĐIỀU 9: QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

9.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng người của Bên B liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không hối lộ hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào cho người của Bên A hoặc thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để hối lộ người của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký hợp đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi hối lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện hợp đồng này.

Trường hợp bất kỳ người của Bên B nào nhận thấy bất cứ người của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi hối lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo chi tiết sau:

- Số điện thoại Hotline: 0936.086.113

- Email: gopy@ttgroup.com.vn

9.2. Nếu Bên B vi phạm quy định tại Điều 6 này Bên A có quyền, từng thời điểm xảy ra hoặc phát hiện hành vi hối lộ, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

- Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết hợp đồng thông qua việc đấu thầu.

- Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi hối lộ và tùy quy định của Bên A, phạt Bên B một khoản tiền 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho một hành vi hối lộ hoặc chấm dứt hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào và Bên B phải bồi thường cho Bên A các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt hợp đồng này, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại hợp đồng khi hợp đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B.

- Đưa Bên B vào danh sách các nhà thầu cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu hàng hóa/dịch vụ cho Bên A.

- Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi hối lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.

9.3. Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi hối lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi hối lộ của Bên B.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

10.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được các bên cùng nhất trí lập thành văn bản và gọi chung là phụ lục hợp đồng. Phụ lục của Hợp đồng là một phần không tách rời của Hợp đồng.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực: từ ngày tháng năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B